TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Lê Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị N, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Thanh T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 12-12-2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lưu Thị N trình bày:

Chị và anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND phường Vạn Sơn (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống cùng gia đình anh T. Đến nay, chị và anh T đã có hai con chung là Hoàng Thanh K, sinh ngày 24-11-2008 và Hoàng Mỹ T, sinh ngày 04-8-2010. Sau khi kết hôn, chị phát hiện ra anh T thường sử dụng ma tuý. Chị và gia đình anh T đã khuyên anh T cai nghiện nhưng không có hiệu quả. Do sử dụng ma tuý nên nhiều năm nay anh T không có công việc để có thể phụ giúp gia đình và vợ, con. Chị cùng

bố, mẹ anh T phải chăm sóc cháu K và cháu T. Cũng từ nhiều năm nay, quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T không còn hoà thuận và hạnh phúc, hay cãi nhau, tuy chung sống cùng một nhà nhưng lại ly thân. Trước đây, vì mâu thuẫn vợ chồng nên chị cũng đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống nhưng vì các con còn nhỏ nên chị lại quay về chung sống cùng anh T. Đến nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh T.

Vì anh T không có thu nhập để nuôi con nên chị nhận nuôi cả hai con đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập, cũng không giao nộp bản khai cho Toà án.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn năm 2006. Sau khi kết hôn, chị N và anh T chung sống cùng bố, mẹ anh T. Nhiều năm nay, anh T ham chơi, sử dụng ma tuý, thiếu quan tâm và thiếu trách nhiệm với vợ, con. Anh T cũng không có việc làm ổn định để phụ giúp kinh tế gia đình. Do đó, cuộc sống hôn nhân của chị N và anh T không còn hoà thuận và hạnh phúc, ngày càng trầm trọng. Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Thanh K, sinh năm 2008 và cháu Hoàng Mỹ T, sinh năm 2010. Nhiều năm nay, hai cháu chủ yếu do chị N và bố, mẹ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai cháu cũng đều có nguyện vọng được ở cùng chị N. Hiện nay, chị N có điều kiện đảm bảo việc nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T; giao cháu K và cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Hoàng Thanh T, cư trú tại: Tổ dân phố Chẽ, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vạn Sơn (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 16-3-2006. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Nhiều năm nay, do anh T hạm chơi, sử dụng ma tuý, thiếu trách nhiệm với vợ con nên cuộc sống hôn nhân của chị N và anh T không còn hoà thuận, hạnh phúc. Hiện nay. Chị N và anh T sống ly thân. Chị N cũng xác định không còn tình cảm đối với anh T. Xét thấy, chị N và anh T đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài nên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Hoàng Thanh K, sinh ngày 24-11-2008 và Hoàng Mỹ T, sinh ngày 04-8-2010. Xét thấy, cháu K và cháu T đều có nguyện vọng được ở cùng với chị N; chị N có đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng các con; anh T không đủ điều kiện nuôi con nên để đảm bảo quyền lợi của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu K và cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T vắng mặt tại phiên tòa nên đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lưu Thị N được ly hôn anh Hoàng Thanh T.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao cháu Hoàng Thanh K, sinh ngày 24-11-2008 và Hoàng Mỹ T, sinh ngày 04-8-2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị N không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Hoặc cho đến khi chị N và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0002678 ngày 13-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liền **Nguyễn Thị Ninh** **Vũ Trọng Đạt**